TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2019.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG- TỈNH THÁI BÌNH.

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

-*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Tiến Hưng.

-*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Đình Cự và bà Nguyễn Thị Vĩnh .

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thuận Yến – Thư kí Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Yến -Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXX-ST ngày 12/12/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Thu H,** sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện Thái Thuy, tỉnh Thái Bình

(Có mặt tại phiên toà)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Thành Ch**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn H, xã L , huyện Đông Hưng, Thái Bình.

(Vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Thành Ch đều trình bày:

Chị H và anh Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện khi cưới có đăng ấy kết hôn tại UBND xã L, huyện Đông Hưng, Thái Bình vào ngày 23/10/2015 .

Sau khi kết hôn vợ chồng mâu thuẫn từ cuối năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2018 và các lời khai tại Toà án, Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Nguyên nhân chính là do vợ chồng không có con. Mặt khác anh Ch hay đi uống rượu, mỗi lần uống rượu về vợ chồng hay cãi nhau và anh Ch không quan

tâm gì đến chị. Từ năm 2015 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn. Mẹ chồng cũng hay nói về việc chị H không thể có con.

Từ ngày 21/5/ 2017 thì anh Ch đuổi chị H nên chị H đã về mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Từ khi chị H đi anh Ch có tìm gọi chị H hai lần. Nhưng chị H không chấp nhận quay về Ch sống với anh Ch.

Nay anh Ch muốn vợ chồng về đoàn tụ chị H không chấp nhận. Chị H xác định tình cảm với anh Ch không còn chị xin được li hôn anh Ch.

+ Bị đơn anh Nguyễn Thành Ch trình bày:

Vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ . Nay anh Ch đề nghị để cho anh một thời gian để hai vợ chồng hoà hợp.

+ Về con Ch: Chị H và anh Ch chưa có con Ch, hiện chị H không có thai

Về tài sản: Chị H và anh Ch không yêu cầu Toà án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ tài sản của ai.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng có quan điểm:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc anh Ch vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do . Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập . Do đó, Toà án vẫn tiên hành xét xử vắng mặt anh Ch theo thủ tục Ch.

Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa chị H và anh Ch là do vợ chồng do bất đồng quan điểm sống Mặt khác giữa mẹ chồng và chị H cũng có mâu thuẫn do chị H chậm sinh con. Đến nay mâu thuẫn đã lâu, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H: Xử cho chị H được li hôn anh Ch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng

Anh Nguyễn Thành Ch đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên toà nhưng anh Ch vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch.

[II] Về nội dung

[1] Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Thành Ch kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, khi cưới có đăng kí kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[2] Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng:

Sau khi cưới nhau anh Ch đi lái xe cho công ty Hoàng Hà, chị H làm công nhân may. Hai vợ chồng thuê nhà trên thành phố Thái Bình để ở, có thời gian vợ chồng lại về quê anh Ch tại xã L sinh sống. Vợ chồng mâu thuẫn vì chị H chậm có con nên mẹ chồng có những lời nói bóng gió mang tính chất cho rằng chị H không thể có con. Ngoài ra giữa anh Ch và chị H cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2017 đến nhay chị H đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Từ khi chị bỏ đi anh Ch có tìm gọi hai lần nhưng chị H xác định tình cảm với anh Ch không còn nên chị không quay về đoàn tụ.

Xét thấy chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống đã lâu, quê của chị H và quê của anh Ch cách nhau khá xa nên các tổ chức như phụ nữ hoặc anh em trong gia đình hai bên cũng không có điều kiện giúp đỡ hoà giải việc đoàn tụ hay không chỉ chính anh Ch phải làm. Song đến nay anh Ch tuy xin đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để khắc phục tình trạng hiện tại để vợ chồng đoàn tụ, chị H lại khẳng định không thể Ch sống với anh Ch được. Hội đồng xét thấy nếu kéo dài tình trạng như hiện nay thì hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Do đó cần xử cho chị H được li hôn anh Ch.

+ **Về con Ch:** Chị H và anh Ch chưa có con Ch, hiện chị H không có thai.

Về tài sản: Chị H và anh Ch không yêu cầu Toà án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ tài sản của ai.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 53 Khoản 1 Điều 56 uật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thành Ch .

[2] Về quan hệ con Ch:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Thành Ch không có con Ch.

[3]Về tài sản: Chị H và anh Ch không yêu cầu Toà án giải quyết. Vợ chồng không vay nợ tài sản của ai.

[4] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thu H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ mà chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0007794 ngày 16/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành khoản thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, đối với chị H tính từ ngày tuyên án, đối với anh Ch tính từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *VKSND, THA h: Đông Hưng.*
- *Lưu HS-VP*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Tiến Hưng